

Số: 45/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 28/04/2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hồng;

Các Thẩm phán : Ông Lê Trí Cường;

Ông Ngô Tiến Phong.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa : Bà Đinh Thúy Hương- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Ngô Phương Liên
-Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2020/TLPT- HN&GD ngày 02 tháng 3 năm 2020. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 25/2019/HN&GD-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân quận BTL, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:48/2020/QĐPT- HN&GD ngày 09/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18 ngày 25/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Phú Đ, sinh năm 1973, có mặt.

Trú tại: Số 240 HC, tổ 9 PD, quận BTL, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Lê Bích T, sinh năm 1977, có mặt.

Trú tại: Số 240 HC, tổ 9 PD, quận BTL, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại tòa án, nguyên đơn anh Lê Phú Đ trình bày: Anh và chị Lê Bích T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 25/5/2001 tại UBND phường QH, quận CG, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2010

đến nay, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn vì nhiều nguyên nhân khác nhau, càng ngày càng nghiêm trọng, chị T hay gây sự và chửi bố mẹ anh, chửi anh. Nhiều lần chị T còn đánh, đe dọa mẹ chồng, gia đình phải gọi công an phường, bảo vệ tổ dân phố đến để can ngăn hòa giải. Anh đã tìm biện pháp khắc phục nhưng không có kết quả, không thay đổi cải thiện được tình cảm vợ chồng. Hiện anh chị vẫn đang cùng sống tại nhà anh ở số 240 HC, tổ 9 phường PD, quận BTL, Hà Nội, nhưng vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung là: Lê Phương A sinh ngày 23/3/2002, Lê Đức T, sinh ngày 03/8/2003 và Lê Lan P, sinh ngày 23/9/2013. Ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cả 03 con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Về điều kiện nuôi con, hiện nay nghề nghiệp của anh là kinh doanh tự do, cho thuê nhà thu nhập khoảng 50 - 60 triệu/tháng. Về nhà ở, anh có 01 nhà ở số 240 HC, PD, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên 02 vợ chồng do đó đảm bảo việc chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn chị Lê Bích T tại cấp sơ thẩm không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và không đến Tòa án, không có lý do: Tòa án cấp sơ thẩm đã kết hợp chính quyền địa phương và công an phường PD đến ghi ý kiến và tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho chị T, nhưng chị T đều không hợp tác và cũng không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án. Tòa án đã đến nơi làm việc của chị T để giao văn bản nhưng chị cũng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Biên bản làm việc giữa cán bộ Tòa án cùng tổ trưởng tổ dân phố tại gia đình anh Đ chị T để tiến hành lấy lời khai của các con anh chị là cháu Lê Phương A và cháu Lê Đức T thể hiện: Hai cháu đều có ở nhà nhưng từ chối trình bày ý kiến nguyện vọng của hai cháu, các cháu cũng từ chối tự khai tại nhà.

Bản án sơ thẩm số 25/2019/HNGĐ-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân quận BTL, Hà Nội đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Phú Đ đối với chị Lê Bích T. Cho anh Đ được ly hôn với chị T

Về con chung: Anh và chị có 03 con chung. Giao hai con chung của anh chị là cháu Lê Phương A sinh ngày 23/3/2002, Lê Đức T, sinh ngày 03/8/2003 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Lan P, sinh ngày 23/9/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 02 tháng 12 năm 2019 bị đơn chị Lê Bích T làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm vi phạm thủ

tục tố tụng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chị và các con chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Đ không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ để vợ chồng được đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con. Hiện tại hai con chung của anh chị là cháu Lê Phương A và cháu Lê Đức T đang du học tại nước ngoài.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội kết luận tại phiên tòa: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Tại thời điểm xét xử phúc thẩm cháu Lê Phương A sinh ngày 23/3/2002 trên 18 tuổi đã trưởng thành, việc ở với ai là quyền của cháu nên Tòa án không phải quyết định về việc giao cháu Phương A cho ai trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Các nội dung khác của án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Xét về yêu cầu kháng cáo của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng, không tổng đạt hợp lệ các văn bản giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn và không triệu tập các con của anh chị đến để lấy ý kiến, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị và các con anh chị. Tại phiên tòa cấp phúc thẩm chị T đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ để vợ chồng được đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con.

Hội đồng xét xử xét: Căn cứ lời khai của anh Đ và chị T tại phiên tòa và các biên bản Tòa án tiến hành xác minh tại đại phương cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ xác định: Anh Đ và chị Lê Bích T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 25/5/2001 tại UBND phường QH, quận CG, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2010 đến nay, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn vì nhiều nguyên nhân khác nhau, càng ngày càng nghiêm trọng. Anh chị rất nhiều lần đánh cãi chửi nhau, chị T hay gây sự đe dọa và chửi bố mẹ anh Đ. Nhiều lần Công an phường, tổ bảo vệ, tổ dân phố đến để can ngăn, hòa giải và lập biên bản. Anh Đ đã tìm biện pháp khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả, không thay đổi cải thiện được tình cảm vợ chồng. Nay anh Đ xác định không còn tình cảm vợ chồng nên kiên quyết xin ly hôn. Chị T không muốn ly hôn nhưng tại

cấp sơ thẩm không thể hiện sự hợp tác, không đến Tòa án để tiến hành hòa giải cũng như không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cấp sơ thẩm xét xử đã áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho anh chị được ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Anh Đ và chị T có 03 con chung là: Lê Phương A sinh ngày 23/3/2002, Lê Đức T, sinh ngày 03/8/2003 và Lê Lan P, sinh ngày 23/9/2013. Anh Đ và chị T đều có nguyện vọng nuôi con chung, và đều có điều kiện về công việc cũng như thu nhập để nuôi con chung. Cấp sơ thẩm đã xem xét đến điều kiện nuôi con của anh chị để giao cháu Lê Phương A sinh ngày 23/3/2002, Lê Đức T, sinh ngày 03/8/2003 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu P, sinh ngày 23/9/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử phúc thẩm cháu Phương A đã đủ 18 tuổi và đã trưởng thành, việc ở với ai là quyền của cháu, Tòa án không phải quyết định về việc giao cháu Phương A cho ai trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giành quyền khởi kiện chia tài sản chung cho anh chị bằng vụ án khác khi anh chị có yêu cầu.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào thực trạng tình trạng hôn nhân gia đình và các tài liệu chứng cứ của tòa án thu thập được để xét xử cho anh Đ, chị T ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật. Việc chị T cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng không tổng đạt cho chị và không hỏi nguyện vọng của các cháu Phương Anh và cháu Đức Trung vì chị cho rằng các cháu đang học ở nước ngoài vào thời điểm xét xử sơ thẩm nên không lấy được lời khai là không có căn cứ và là việc nài ra của đương sự nhằm gây khó khăn kéo dài cho cơ quan tiến hành tố tụng cũng như gây khó khăn bức xúc cho anh Đ. Tại cấp phúc thẩm chị T không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của chị. Do vậy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của chị T không được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 25/2019/HNGĐ-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân quận BTL, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Phú Đ đối với chị Lê Bích T. Cho anh Lê Phú Đ được ly hôn với chị Lê Bích T.

2. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Lê Phương A sinh ngày 23/3/2002, cháu Lê Đức T, sinh ngày 03/8/2003 và cháu Lê Lam Phương, sinh ngày 23/9/2013. Cháu Phương Anh đã trưởng thành, việc ở với ai Tòa án không giải quyết. Giao cháu Lê Đức T cho anh Đức trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Lam Phương cho chị Thủy trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Anh Đ, chị T được quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

4 Về án phí: Anh Lê Phú Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Đ đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AB/2015/02991 ngày 02/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận BTL, được chuyển thành án phí. Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn phúc thẩm, xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0003295 ngày 19/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận BTL, thành phố Hà Nội, nay chuyển thành án phí. Anh Đ, chị T đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2020.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận BTL;
- UBND Phường QH;
- Chi cục thi hành án quận BTL;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hồng

